TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Dá.

2/ Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lâm Thị Sà E**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1984 – Luật sư văn phòng luật sư C (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện Tị, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông **Dương Sà T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2020 và tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn bà Lâm Thị Sà E trình bày:

Bà và ông T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 13/4/2015 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng có 01 người con chung tên Dương Bích N, sinh ngày 07/10/2018 sống với bà đến khi Tòa án hòa giải lần hai, ông T đón con về chăm sóc đến nay. Hôn nhân không hạnh phúc, thường mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 8/2019.

Bà yêu cầu được ly hôn với ông T và được quyền nuôi dưỡng con chung, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Sà T trình bày:

Ông thống nhất quan hệ hôn nhân giữa ông và bà E là tự nguyện, vợ chồng có con chung tên Dương Bích N hiện ông đang chăm sóc. Ông đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Bích N cho bà E nuôi dưỡng và buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn cho bà E và ông T, giao cho bà E được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, ông T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Dương Sà T có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà E và ông T thống nhất cả hai tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/4/2015 (bl 10) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Qua trình bày của hai bên cho thấy vợ chồng không có thời gian bên nhau, không có sự nhường nhịn để tìm

hướng giải quyết và hàn gắn mối quan hệ. Tại phiên tòa bà E vẫn cương quyết xin ly hôn và ông T đồng ý, việc đồng ý ly hôn của ông T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà E và ông T là đúng quy định của Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa ông T và bà E có người con chung là Dương Bích N, cả hai cùng có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, bà E cùng mẹ ruột là người chăm sóc và nuôi dạy con trong thời kỳ hôn nhân, ông T đi làm và chu cấp chi phí nuôi con. Đến khi bà E khởi kiện ly hôn cũng đồng thời tìm được việc và đã đi làm, ông T nghỉ việc và đón con về chăm sóc từ ngày 21/8/2020. Về điều kiện nuôi dưỡng thì cháu Bích N là bé gái và hiện chưa đủ 36 tháng tuổi (22 tháng 23 ngày), từ nhỏ cháu được mẹ và bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù hiện con do ông T chăm sóc nhưng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì cả hai đều yêu cầu người thân hỗ trợ; đồng thời ông T không chứng minh được bà E không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và giao cháu Bích N cho bà E nuôi dưỡng là đúng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà E yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Bích N là 1.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*, bà E yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là bảo vệ quyền lợi cho con và mức yêu cầu vừa đủ chi phí cơ bản để nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà E buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng đến khi con tròn 18 tuổi.

[5] Tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Do các bên thuận tình ly hôn thì theo quy định mỗi người phải chịu 50% tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn nhưng trong vụ án này nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ tiền án phí là 300.000 đồng. Bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị Sà E và ông Dương Sà T.

- Về con chung: Giao con chung tên Dương Bích N, sinh ngày 07/10/2018 cho bà Lâm Thị Sà E trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông Dương Sà T phải cấp dưỡng nuôi con là Dương Bích N, sinh ngày 07/10/2018 đến khi con tròn 18 tuổi; mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử (04/9/2020).

Ông Dương Sà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

- Tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Lâm Thị Sà E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003228 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà E đã nộp xong án phí.

Ông Dương Sà E phải chịu tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai